

# ĐỊNH DANH KỶ THƯ

## 定名奇书

Xem, kiểm tra và tư vấn tên cho bé mới chào đời, đổi tên cho người lớn



### CHỦ MỆNH

- Thân chủ giới tính Nam
- Sinh vào Thứ Sáu, ngày 25 tháng 4 năm 2014
- Nhằm ngày 26, tháng 3, năm Giáp Ngọ
- Hành bản mệnh (Niên mệnh): Kim (Sa Trung Kim)
- Tứ Trụ Mệnh: giờ Giáp Ngọ, ngày Bính Dần, tháng Mậu Thìn, năm Giáp Ngọ
- Phân tích Tứ Trụ Mệnh theo Nguyên Cục Ngũ Hành:

- Kim: 0 (0%)
- Thủy: 1 (7.1%)
- Mộc: 4 (28.6%)
- Hỏa: 4 (28.6%)
- Thổ: 5 (35.7%)
- Hành vượng: Mộc, Hỏa, Thổ
- Hành suy: Kim, Thủy
- Âm: 8 (57.1%)
- Dương: 6 (42.9%)

### MỞ ĐẦU

Mỗi người sinh ra đều có tên, họ của mình. Họ tên không chỉ là dấu hiệu để phân biệt người này với người khác, mà sau nó còn hàm chứa ngụ ý sâu xa, thể hiện một giá trị văn hóa, lý tưởng, hoài bão lớn lao mà cha mẹ gửi gắm vào. Dưới góc nhìn của người xưa, tên họ thậm chí còn ảnh hưởng đến sức khỏe, sự thành công và vận mệnh cả đời người nữa.

Đi sâu phân tích tên họ quả thực có rất nhiều khía cạnh liên quan, ảnh hưởng đến độ tốt xấu như ngũ hành sinh khắc, số nét của từng chữ (theo tiếng Hán phồn thể), hành tên phải bổ sung, cân bằng tứ trụ mệnh, và phối quẻ của tên trong Kinh dịch cũng cần tạo được các quẻ Cát, mang lại thời vận tốt cho thân chủ.

Định danh kỷ thư chuyên về đặt tên cho bé mới chào đời, sửa tên cho người lớn theo vận mệnh, kiểm tra độ tốt xấu của các tên được cung cấp



# Phân tích phong thủy tên Bùi Duy Hiếu:

## 1. Số nét và ngũ hành các chữ trong tên

- Chữ Bùi (裴) có 14 nét, ngũ hành thuộc Thủy
- Chữ Duy (維) có 14 nét, ngũ hành thuộc Thổ
- Chữ Hiếu (孝) có 7 nét, ngũ hành thuộc Kim

## 2. Phân tích ngũ hành của tên

### ▪ Ảnh hưởng về Ngũ Hành của Tên đối với Chủ mệnh

- Tên có ngũ hành thuộc Kim
- Chủ mệnh có ngũ hành thuộc Kim
- Hành Kim (của Tên) không sinh khắc hành Kim (của Chủ mệnh), bình hòa

### ▪ Ảnh hưởng về Ngũ Hành đối với Tứ Trụ

- Kim: 0 (0%)
- Thủy: 1 (7.1%)
- Mộc: 4 (28.6%)
- Hỏa: 4 (28.6%)
- Thổ: 5 (35.7%)
- Hành vượng: Mộc, Hỏa, Thổ
- Hành suy: Kim, Thủy
- Âm: 8 (57.1%)
- Dương: 6 (42.9%)
- Hành Kim của Tên tiết chế hành đang vượng trong tứ trụ, giúp giảm thiên lệch, tốt
- Hành Kim của Tên khắc chế hành đang vượng trong tứ trụ, giúp giảm thiên lệch, tốt
- Hành Kim của Tên là hành đang suy trong tứ trụ, giúp giảm thiên lệch, tốt
- Hành Kim của Tên sinh hành đang suy trong tứ trụ, giúp giảm thiên lệch, tốt

### ▪ Ảnh hưởng về Âm Dương đối với Tứ Trụ

- Phân tích Tứ trụ theo thành phần âm dương:
  - Dương: 6 (42.9%)
  - Âm: 8 (57.1%)
- Tên mang thuộc tính Âm, càng gây thiên lệch Tứ Trụ, không tốt

### ▪ Ảnh hưởng về ngũ hành giữa các chữ trong tên:

#### ▪ Ảnh hưởng về Ngũ Hành của Chữ Bùi đối với Chữ Duy

- Chữ Bùi có ngũ hành thuộc Thủy
- Chữ Duy có ngũ hành thuộc Thổ
- Hành Thủy (của Chữ Bùi) không sinh khắc hành Thổ (của Chữ Duy), bình hòa

#### ▪ Ảnh hưởng về Ngũ Hành của Chữ Duy đối với Chữ Hiếu

- Chữ Duy có ngũ hành thuộc Thổ
- Chữ Hiếu có ngũ hành thuộc Kim
- Hành Thổ (của Chữ Duy) sinh hành Kim (của Chữ Hiếu), tốt

## 3. Phân tích hung cát của Ngũ Cách

### ▪ Thiên Cách (天格 Tian Ge)

- Thiên cách không có ảnh hưởng nhiều đến cuộc đời của thân chủ nhưng nếu kết hợp với nhân cách, lại có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công trong sự nghiệp
- Số nét: 15 (số Cát)
- Thập ngũ hoạch, khiêm cung tổ sự, ngoại đắc nhân hoà, đại sự thành tựu, nhất môn hưng long; Số này là số phúc thọ viên mãn, có tiếng tăm, có đức độ, được trên dưới tin tưởng, đến đâu cũng được ngưỡng mộ, thành sự nghiệp, phú quý vinh hoa, nhưng lúc đắc trí mà sinh kiêu ngạo sẽ gặp kẻ địch, dễ gặp vận suy.
- Nguyên văn Hán Tự: 十五劃 謙恭做事, 外得人和, 大事成就, 一門興隆
- Thuộc hành Thổ

### ▪ Nhân Cách (人格 Ren Ge)

- Nhân cách là trung tâm của lý số phẩu tượng tên người, có ảnh hưởng lớn nhất đối với cuộc đời con người về vận mệnh, tính cách, thể chất, năng lực, sức khỏe, hôn nhân
- Số nét: 28 (số Hung)
- Nhị bát hoạch, ngư lâm hạn địa, nan đào ác vận, thử số đại hung, bất như cánh danh; Số này là số đại hung trống rỗng, diệt vong, họa hoạn, biệt ly, tai họa bất ngờ không dứt, khắc với lục thân, ly dị.
- Nguyên văn Hán Tự: 二八劃 魚臨旱地, 難逃厄運, 此數大凶, 不如更名
- Thuộc hành Kim

#### ▪ Địa Cách (地格 Di Ge)

- Địa cách chủ yếu ảnh hưởng đến cuộc đời con người từ tuổi nhỏ đến hết tuổi thanh niên (từ 1-39 tuổi), vì vậy nó còn gọi là Địa cách tiền vận
- Số nét: 21 (số Cát)
- Nhị nhất hoạch, tiên lịch khốn khổ, hậu đắc hạnh phúc, sương tuyết mai hoa, xuân lai nộ phóng; Số này là cách lãnh đạo, giàu có một đời, lòng dạ thanh thản, có thể vạn vật hình thành chắc chắn, được mọi người ngưỡng mộ, đầy đủ phước lộc thọ, nghiệp nhà hưng vượng, thành công vinh hiển.
- Nguyên văn Hán Tự: 二一划 先歷困苦, 後得幸福, 霜雪梅花, 春來怒放
- Thuộc hành Mộc

#### ▪ Ngoại Cách (外格 Wai Ge)

- Ngoại cách cũng có ảnh hưởng đến các mặt của cuộc đời nhưng không bằng Nhân cách. Từ mối quan hệ lý số giữa Ngoại cách và Nhân cách, có thể suy đoán mối quan hệ gia tộc và tình trạng xã giao
- Số nét: 8 (số Cát)
- Bát hoạch, nỗ lực phát đạt, quán triệt chí vọng, bất vong tiến thoái, khả kỳ thành công; Trời cho có ý chí kiên cường, giải trừ được hoạn nạn, có khí phách nghị nhĩ nát kẻ thù mà nên việc.
- Nguyên văn Hán Tự: 八劃 努力發達, 貫徹志望, 不忘進退, 成功可期
- Thuộc hành Kim

#### ▪ Tổng cách (总格 Zong Ge)

- Tổng cách chủ yếu ảnh hưởng đến cuộc đời con người từ tuổi trung niên đến tuổi già (từ 40 tuổi trở đi) vì vậy còn gọi là Tổng cách hậu vận
- Số nét: 35 (số Cát)
- Tam ngũ hoạch, xử sự nghiêm cẩn, tiến thoái bảo thủ, học trí kiêm cụ, thành tựu phi phạm; Số giữ được sự ấm no, hòa thuận, bình an. Sức quan sát sâu xa, đối với sự việc, với người đời phải phán đoán chính tà, thiện ác, sự việc xử sự phải nghiêm cẩn, đúng phép tắc, dãi dào tình cảm chính đáng. Về phương diện văn nghệ, học thuật, nghệ thuật đều có tài năng phát triển.
- Nguyên văn Hán Tự: 三五劃 處事嚴謹, 進退保守, 學智兼具, 成就非凡
- Thuộc hành Thổ

### 4. Phân tích ảnh hưởng của Ngũ Cách lên Nhân Cách

#### ▪ Ảnh hưởng về Ngũ Hành của Thiên Cách đối với Nhân Cách

- Thiên Cách có ngũ hành thuộc Thổ
- Nhân Cách có ngũ hành thuộc Kim
- Hành Thổ (của Thiên Cách) sinh hành Kim (của Nhân Cách), tốt

#### ▪ Ảnh hưởng về Ngũ Hành của Địa Cách đối với Nhân Cách

- Địa Cách có ngũ hành thuộc Mộc
- Nhân Cách có ngũ hành thuộc Kim
- Hành Mộc (của Địa Cách) không sinh khắc hành Kim (của Nhân Cách), bình hòa

#### ▪ Ảnh hưởng về Ngũ Hành của Ngoại Cách đối với Nhân Cách

- Ngoại Cách có ngũ hành thuộc Kim
- Nhân Cách có ngũ hành thuộc Kim
- Hành Kim (của Ngoại Cách) không sinh khắc hành Kim (của Nhân Cách), bình hòa

#### ▪ Ảnh hưởng về Ngũ Hành của Tổng cách đối với Nhân Cách

- Tổng cách có ngũ hành thuộc Thổ
- Nhân Cách có ngũ hành thuộc Kim
- Hành Thổ (của Tổng cách) sinh hành Kim (của Nhân Cách), tốt

### 5. Phối quẻ dịch số từ số nét của tên

## Quẻ : Phong Hỏa Gia Nhân (Cát)

**Bình:** Đàng dã. Nảy nở. Người nhà, gia đình, cùng gia đình, đàng chung, đàng nghiệp, cùng xóm, sinh sôi, khai thác mở mang thêm



**Giải:** Quẻ chỉ vận thế thuận lợi, bình an, trong ngoài đoàn kết, gia đạo yên vui. Cơ hội để hoàn thành sự nghiệp, có thể đạt công thành danh toại. Tài vận tốt, nhiều cơ hội kinh doanh phát đạt, phúc lộc dãi dào. Xuất hành tốt. Thi cử dễ đậu. Kiện tụng nên hòa giải. Ốm đau chóng qua khỏi. Tình yêu thuận lợi, tìm được người ý hợp tâm đầu. Hôn nhân dễ thành lương duyên. Những tuổi nạp giáp: Kỷ: Mão, Sửu, Hợi; Tân: Mùi, Tị, Mão. Người gặp quẻ này lại sinh tháng 6 là đặc cách, số công danh phú quý.

Phân tích Lục Hào:

- Hào sơ: Hào tốt, biết tề gia, trị quốc. Hào chỉ sự tháo vát mọi việc. Quan chức có khả năng, được thăng tiến. Sĩ tử gặp thời, được trọng dụng. Nhà buôn kinh doanh phát đạt. Phụ nữ đảm đang. Mệnh hợp là người có đức hạnh, dựng được nghiệp nhà, giúp được việc nước, phúc lộc lâu bền. Mệnh không hợp cũng là người thiện, có đức, gia đình nhen nếp, sống yên vui.
- Hào nhị: Hào tốt, nhiều cơ may thăng tiến. Sĩ tử được hỗ trợ trong học hành, thi cử. Người thường lập được nghiệp, phúc lộc dãi dào. Mệnh hợp là người có đức hạnh, có tài tề gia trị quốc, sự nghiệp vẻ vang. Mệnh không hợp là người được an nhàn, hạnh phúc. Nữ mệnh: đảm đang, giỏi nội trợ, nuôi dạy con cái, lợi chồng con, gia đạo.
- Hào tam: Hào bình, vừa tốt, vừa xấu. Tốt nếu biết nghiêm khắc răn đe trước. Xấu nếu buông thả cho sự đam mê, nhưng khát khe quá thì hỏng việc. Mệnh hợp cách: người biết lo trước phòng sau, giữ được nghiệp nhà, gia phong nhen nếp. Mệnh không hợp: người không biết phòng xa, thả lỏng ban đầu, khát khe về sau, thiếu công bằng, thiên vị, khó thành nghiệp lớn, làm loạn gia, bại sản.
- Hào tứ: Hào tốt cho mọi người, nhiều cơ may thành đạt, thành danh, thăng tiến lớn, kinh doanh phát đạt. Mệnh hợp cách: Người có tài đức chấn hưng được việc nhà, việc nước, phúc lộc cao đầy. Mệnh không hợp cách: cũng giàu sang, an cư lạc nghiệp.
- Hào ngũ: Hào tốt, nhiều cơ may hiển đạt, thành danh, như có quý nhân phù trợ. Kinh doanh gặp tài vận, phát đạt, phúc lợi nhiều. Mệnh hợp là người có đức hạnh, khiêm nhường, cơ may tự đến, hiển đạt vinh hoa. Mệnh không hợp cũng là người có đức hạnh, có sự nghiệp hiển vinh.
- Hào thượng: Hào tốt, quan chức có địa vị cao sang; sĩ tử thành danh, thăng tiến dễ; Người thường kinh doanh phát đạt, đắc lợi. Nữ mệnh là người hiền đức, đảm đang, có chồng cao sang. Mệnh hợp là người quyền cao, chức trọng, phúc lộc lâu bền. Mệnh không hợp cũng là người giàu sang có phúc lộc, cuộc sống an vui.

## 6. Tổng điểm đánh giá của tên Bùi Duy Hiếu:

**8.1 / 10 điểm**



### • Hỏi:

Tại sao tôi kiểm tra lại những tên đã tư vấn cho tôi trong Định danh kỳ thư theo công cụ kiểm tra tên miễn phí trên trang web phongthuy.vietaa.com lại cho kết quả khác nhau?

### • Trả lời

- Khác biệt lớn nhất giữa công cụ xem họ tên miễn phí trên trang web và Định danh kỳ thư đó là: công cụ xem tên trên web là xem tên theo chữ Việt, trong khi Định danh kỳ thư thì xem theo chữ Hán phồn thể.
- Khi xem theo chữ Việt thì ta phân tích theo các chữ cái của hệ La Tinh (alphabet), trong khi xem theo chữ Hán thì phải phân tích theo các bộ nét, bộ chữ cụ thể.
- Đương nhiên, cách xem theo chữ Hán và chữ Việt không thể cho kết quả giống nhau được (cả về ngũ hành, số lý, số cách hay quẻ dịch), vì cơ sở phân tích là khác nhau. Không thể phân tích một cái tên vừa tốt theo kiểu chữ Hán vừa tốt theo kiểu chữ Việt được.
- Ví dụ: Chữ Mai (梅) trong tiếng Việt có nghĩa là cây mai, trên công cụ miễn phí xếp nó vào hành Mộc. Tuy nhiên, trong tiếng Hán, cách phân chia hành lại không hiểu như vậy. Chữ Mai phát âm bằng âm môi, nên được xếp vào hành Thủy.
- Theo lý thuyết chính thống của Kinh dịch, Tử vi, Phong thủy xuất xứ từ Trung Quốc cổ xưa, khi phân tích một cái tên thì phải quy về các bộ nét chữ Hán thì mới là chuẩn xác và có giá trị lý luận.
- Về sau này, khi du nhập vào Việt Nam, nhiều người đưa ra cách xem theo kiểu chữ Việt (hệ la tinh), cách này chỉ là tham khảo mang tính giải trí nhiều hơn.

• **Hỏi:**

Tại sao cùng một họ Dương, mà có chỗ ghi là 9 nét, chỗ lại ghi là 13 nét, v ề hành cũng khác nhau ? Liệu có nhầm lẫn ở đâu không?

• **Trả lời**

- Bộ Định danh kỳ thư được nghiên cứu trên cơ sở tiếng Hán ph ần thể. Do có sự chuyển ngữ nên sẽ dẫn đến trường hợp cùng một chữ tiếng Việt lại có hai hoặc nhiều chữ gốc trong tiếng Hán
- Các chữ này mang ý nghĩa khác nhau, có thể viết khác nhau, hoặc đọc khác nhau, hoặc cả viết và đọc đều khác nhau
- Ví dụ: Chữ Dương trong tiếng Hán ph ần thể có 13 nét với nghĩa là cây dương, viết là 楊, bao g ồm chữ Cây đứng trước chữ Dương. Nhưng cũng chữ Dương với 9 nét viết là 陽 lại mang ý nghĩa là mặt trời. Cách phát âm của hai chữ Dương này cũng khác nhau dẫn đến hành của chúng trong ngũ hành cũng khác nhau. Khi chuyển thể thành tiếng Việt, lại chỉ thành một chữ duy nhất, viết là DƯƠNG
- Do đó, trong bộ Định danh kỳ thư, sẽ có trường hợp cùng một họ Dương mà có số nét hoặc hành khác nhau. Ta hiểu đó là do sự khác nhau v ề mặt ngữ nghĩa của từ gốc trong tiếng Hán
- Bộ Định danh kỳ thư sẽ làm nhiệm vụ tổng hợp, lọc và tìm kiếm các chữ với số nét và hành hợp với thân chủ để đưa ra lời khuyên v ề việc đặt tên

• **Hỏi:**

Tại sao trong các tên do Định danh kỳ thư tư vấn cho tôi vẫn có trường hợp bị Đại Hung. Sao không chọn cho tôi một tên toàn Cát?

• **Trả lời**

- Việc phân tích cát hung phụ thuộc nhiều vào niên mệnh (ngày sinh) của đương số, đ ồng thời phụ thuộc vào gốc rễ ngũ ần cội của họ tộc (thể hiện qua Họ). Vì vậy có những trường hợp không thể toàn Cát được mà sẽ xuất hiện một vài yếu tố Hung.
- Tuy nhiên cần hiểu rằng Hung ở đây chỉ mang yếu tố cục bộ, Hung trong yếu tố đang xét, còn v ề tổng thể vẫn là Cát. Hung đó chỉ làm giảm bớt mức độ Cát đi phần nào thôi
- Trên thực tế những tên do Định danh kỳ thư tư vấn đã là những tên tốt nhất được đưa ra. Vì vậy có thể yên tâm vào các tư vấn này

